

Bản án số: 44/2022/HS-ST
Ngày: 06-5-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Đoàn.

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lò Thị Thúy Hà.

Bà Kháng Mai Thu.

Ông Sần Tài Văn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Thiều Thị Thùy D, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2022/TLST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Lý Thị D (tên gọi khác: Không), sinh ngày 01/12/1972, tại tỉnh Lạng Sơn. Nơi cư trú: Số nhà 14, phố H, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ V hóa: 07/10; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông D V N (Đã chết) và bà Lý Minh H, sinh năm 1944 (Đã chết); có chồng Nguyễn V K, sinh năm 1961 (Đã chết) và 01 người con, sinh năm 1993; tiền án: 01 tiền án (Ngày 20/6/2007, Lý Thị D bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hưng Yên xét xử về tội Trộm cắp tài sản theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 theo Bản án số 23/2007/HS-ST, hiện chưa được xóa án tích do chưa chấp hành xong phần thi hành án dân sự); tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 07/10/2020, tạm giam từ ngày 16/10/2020, hiện đang bị tạm giam tại trại Tạm giam Công an tỉnh Điện Biên cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Dương Anh V (tên gọi khác: Không), sinh ngày 02/3/1987, tại tỉnh Điện Biên. Nơi cư trú: Đội 7, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Nông nghiệp; trình độ V hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông D Anh T, sinh năm 1959 (Đã chết) và bà Bùi Thị T, sinh năm 1962 (Đã chết); bị cáo có vợ Mai Thị H, sinh năm 1991 và 01 người con, sinh năm 2021; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án và

chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/12/2021, hiện đang bị tạm giam tại trại Tạm giam Công an tỉnh Điện Biên cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho bị cáo Lý Thị D:** Bà Lò Thị Xn, Luật sư Công ty TNHH H, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

- **Người bào chữa cho bị cáo Dương Anh V:** Ông Hoàng Tiến Ngọ, Luật sư V phòng Luật sư P, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại:

1. Ông Thào A G, sinh năm 1996. Địa chỉ: Bản G, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

2. Bà Vàng Thị D, sinh năm 1989. Địa chỉ: Bản G, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

3. Bà Sênh Thị L, sinh năm 1996. Địa chỉ: Bản H, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

4. Bà Giàng Thị M, sinh năm 1986. Địa chỉ: Bản T, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

- Người làm chứng:

1. Ông Lầu A T, sinh năm 1986. Địa chỉ: Bản T, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa).

2. Ông Lầu Nhì C, sinh năm 1966. Địa chỉ: Bản G, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

3. Ông Lầu A S, sinh năm 1978. Địa chỉ: Bản T, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

4. Bà Giàng Thị C, sinh năm 1975. Địa chỉ: Bản T, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

5. Ông Thào A C, sinh năm 1986. Địa chỉ: Bản G, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

6. Ông Giàng A P, sinh năm 1971. Địa chỉ: Bản S, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

7. Ông Vàng A X, sinh năm 1998. Địa chỉ: Bản H, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lý Thị D và Dương Anh V quen biết nhau thông qua Đinh Bá T làm nghề lái taxi. Khoảng tháng 6/2018, V đến thăm nhà D ở tỉnh Lạng Sơn. Bản thân D vì làm ăn buôn bán thua lỗ, chơi lô đề, vay lãi nặng và cần tiền trả nợ nên đã nảy sinh ý lợi dụng V làm điểm kết nối để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại

trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Nhằm tạo niềm tin với V, D đã giới thiệu có chồng làm lãnh đạo ở Bộ Công an, con trai cũng làm Công an, bản thân D có quan hệ rộng, quen biết nhiều lãnh đạo nên lo giảm nhẹ hình phạt (chạy án) được rồi bảo V biết trường hợp nào bị cơ quan pháp luật bắt và có nhu cầu xin giảm án từ từ hình xuống chung thân thì liên hệ với gia đình họ rồi báo lại cho D. V đồng ý và thông qua đó đã lợi dụng ngược lại D để chiếm đoạt tài sản, cụ thể:

Ngày 09/11/2019, Thào A B, trú tại bản G, xã N, huyện Đ bị Công an tỉnh Điện Biên bắt quả tang về hành vi mua bán trái phép 220 bánh Heroine. Sau khi biết tin, ngày 10/11/2019 V đã báo cho D biết và hỏi D có chạy được cho B xuống tù chung thân không, D trả lời để chị hỏi xem đã. Một lúc sau, D gửi tin nhắn hình ảnh Thào A B bị bắt qua tài khoản zalo và nói với V để thoát án tử hình phải chi phí 05 tỷ đồng, nhanh chóng chuyển tiền để chạy hàm lượng ma túy xuống thấp. Sau đó, V trao đổi với Thào A G là cháu của B nếu muốn chạy cho B thoát án tử hình xuống chung thân thì phải mất 07 tỷ đồng, G báo lại với Mùa Thị L là vợ của B, Lu đồng ý. Sáng ngày 11/11/2019, G cùng ông G Giống V1 đến gặp V tại quán cà phê T thuộc phường M, thành phố Đ, V nói muốn chạy cho B thoát án tử hình xuống chung thân thì phải mất 07 tỷ đồng, chạy xuống án số thì phải thêm 06 tỷ nữa. Còn việc chạy án V đã nhờ một chị là vợ thứ trưởng Bộ Công an, chị ấy đã lo được nhiều vụ rồi, có vụ cả nghìn bánh chị ấy cũng chạy được nên gia đình không phải lo, nói rồi V gọi điện thoại cho D và mở loa ngoài để G cùng nghe nhằm làm cho G tin D chính là vợ thứ trưởng Bộ Công an. Chiều ngày 11/11/2019, G cùng ông V1 đến nhà và giao cho V 1,5 tỷ đồng, khi đưa tiền có ông V1 chứng kiến. Sau đó, V báo lại với D đã nhận tiền của nhà B, trong các ngày 12 và 23 tháng 11/2019, D lên Điện Biên gặp V tại quán cà phê T, V đưa cho D lần đầu 01 tỷ đồng, lần tiếp theo là 500 triệu đồng. Ngày 25/11/2019, tại quán cà phê T, G cùng ông V1 gặp và đưa tiếp cho V 4,5 tỷ đồng. Ngày 09/12/2019, tại quán cà phê T, D, V và G gặp nhau, V nói với G, D là sếp của V ở Hà Nội lên lo việc cho B, G đưa cho V 01 tỷ đồng, V đưa lại cho D. Ngoài các lần giao nhận tiền trực tiếp, V đã chuyển tiền vào 02 tài khoản của D số 35110000451305 mở tại Ngân hàng BIDV và số 8400205154161 mở tại Ngân hàng Agribank số tiền 657 triệu đồng. Tổng số tiền D nhận từ V là 3 tỷ 157 triệu đồng.

Do nghi ngờ việc V xin giảm án cho B không như đã hứa, khoảng tháng 3/2020, G liên hệ với D để trao đổi về việc lo chạy án cho B, G nói với D đã đưa cho V 07 tỷ đồng thì D nói lại là V mới đưa cho D 2,5 tỷ đồng. Nếu muốn lo chạy án cho B thì phải đưa cho D 2 tỷ đồng nữa, còn số tiền mà G đã đưa cho V thì D sẽ giúp lấy lại. Ngày 21/3/2020, G cùng với Thào A C là anh trai của B đến Khách sạn H thuộc phường M, thành phố Đ đưa cho D 1,5 tỷ đồng, D trao đổi với Giàng nếu muốn xin 02 chiếc xe ô tô bị tạm giữ trong vụ án Thào A B thì chuẩn bị tiền để D lo. Thấy G và C còn nghi ngờ, để củng cố niềm tin D đã đưa C đến Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên gặp và giới thiệu C là người nhà Thào A B với ông Phạm Văn N. Ngày 06/7/2020, D bảo Giàng chuyển tiền cho D để làm thủ tục lấy xe, G đã đến Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn tỉnh Điện Biên gửi vào tài khoản số 8400205154161 của D 300 triệu đồng.

Ngày 30/9/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã tuyên phạt Thào A B tử hình, tịch thu sung ngân sách Nhà nước chiếc xe ô tô con nhãn hiệu TOYOTA (FORTUNER) màu sơn trắng, BKS: 30F - 935.70 và 1/2 giá trị chiếc xe ô tô bán tải nhãn hiệu TOYOTA (HILUX G) màu sơn bạc, BKS: 29C - 584.65. Tổng số tiền D đã lừa và chiếm đoạt trực tiếp của Thào A G là 1,8 tỷ đồng.

Trong quá trình điều tra Lý Thị D còn thừa nhận thông qua thủ đoạn gian dối nói trên và lợi dụng sự thiếu hiểu biết của thân nhân những người phạm tội đã nhiều lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của nhiều bị hại trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Để củng cố niềm tin thì mỗi lần nhận tiền của các bị hại D đều lấy 500 nghìn đến 01 triệu đồng của mình đưa lại cho họ và những người đi cùng. Cụ thể trong khoảng thời gian từ tháng 12/2019 đến tháng 10/2020, Lý Thị D đã thực hiện hành vi phạm tội như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 19/8/2019, Lầu A S bị Công an thành phố C bắt về hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy và ngày 15/11/2019 bị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm tuyên án tử hình. Khoảng 10 ngày sau, Vàng Thị D là vợ của S nhận được cuộc gọi của một người nam giới xưng tên là V nói có người phụ nữ trại giam Cao Bằng gặp Sùng nhờ nhắn cho người nhà lo cho Sùng và gửi cho Vàng Thị D số điện thoại 0325.643.019 để liên lạc. Vàng Thị D gọi vào số điện thoại trên thì gặp một người phụ nữ không xưng tên chỉ giới thiệu là cán bộ Trại giam Cao Bằng nói với Vàng Thị D muốn lo cho chồng thì liên hệ với Lý Thị D ở Lạng Sơn, rồi gửi cho Vàng Thị D số điện thoại 0913.559.577 bảo gọi cho bác Sùng A Trường làm to ở Điện Biên để xin số điện thoại của D. Vàng Thị D đã gọi cho ông T xin được số điện thoại 0888.283.999 liên lạc gặp D. D hẹn Vàng Thị D đến nhà ở Lạng Sơn để biết nhà và nói chuyện cụ thể. Ngày 04/12/2019, Vàng Thị D cùng ông Lầu Nhìa C là bố chồng và Sênh Thị L là em dâu cùng đi xe khách đến thị trấn Hữu L thì D ra đón và đưa mọi người về nhà ở số 325 Bắc S, thị trấn Hữu L, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Tại đây, D nói có quen biết nhiều cán bộ to ở Hà Nội nên có thể lo chạy án cho chồng của D từ mức tử hình xuống chung thân và phải mất 01 tỷ đồng, Vàng Thị D/34 thống nhất với D 500 triệu đồng. Sau khi thỏa thuận, D đặt mua vé máy bay rồi cùng Vàng Thị D, C, L đi Hà Nội để bay về Điện Biên lấy tiền. Ngày 06/12/2019, tại khách sạn H, Vàng Thị D đã đưa cho D 300 triệu đồng, có ông C và anh Lầu A S, chị Giàng Thị C chứng kiến. Ngày 16/12/2019, trước cửa nhà nghỉ H thuộc tổ 1, phường T, thành phố Đ, Vàng Thị D đưa tiếp 200 triệu đồng cho D, khi đó có Vàng A X, Sênh Thị L và Lầu A S, Giàng Thị C cùng đi với Vàng Thị D chứng kiến. Cả hai lần giao nhận tiền giữa D và Vàng Thị D đều không làm giấy tờ. Tổng số tiền mà Lý Thị D chiếm đoạt của Vàng Thị D là 500 triệu đồng. Số tiền chiếm đoạt được D đã sử dụng tiêu xài vào mục đích cá nhân.

Lần thứ hai: Ngày 04/12/2019, khi Sênh Thị L đi cùng Vàng Thị D đến nhà Lý Thị D ở Lạng Sơn, L nghe Vàng Thị D và D trao đổi việc chạy giảm án cho Lầu A S, L thấy tin tưởng nên hỏi D việc chạy án cho Vàng A S là chồng L bị Công an thành phố C bắt về hành vi vận chuyển trái phép 42 bánh Heroine vào ngày 14/10/2019. D đồng ý sẽ xin giúp giảm xuống án chung thân và thống nhất với L số tiền là 300 triệu đồng. Khoảng 16 giờ ngày 06/12/2019, L và Vàng

A X là em chồng L đi cùng đến khách sạn H, đưa cho D 180 triệu đồng. Ngày 16/12/2019, L đi cùng Vàng Thị D, X và Lầu A S, Giàng Thị C đến gặp D tại ngoài cửa nhà nghỉ H, D đã nhận của Ly 120 triệu đồng. Cả hai lần giao nhận tiền giữa L và D đều không làm giấy tờ. Tổng số tiền mà Lý Thị D chiếm đoạt của chị Sênh Thị L là 300 triệu đồng. Số tiền chiếm đoạt được D đã sử dụng tiêu xài vào mục đích cá nhân.

Lần thứ ba: Giàng Thị M biết Vàng Thị D nhờ D để xin giảm án cho chồng nên thông qua Vàng Thị D, M đã liên lạc được với Lý Thị D nhờ giúp chạy án cho chồng là Hạ A K bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lai Châu bắt về hành vi vận chuyển trái phép 08 bánh Heroine vào ngày 10/8/2020. Vào khoảng 16 giờ ngày 06/10/2020, D đi taxi đến đón M cùng Lầu A T ở cổng bến xe khách Điện Biên đến quán cà phê T. Tại đây, D thỏa thuận với M lo giảm án cho K sớm được trở về là 600 triệu đồng, M đồng ý và hẹn sẽ đưa trước cho D 20 triệu đồng. Khoảng 07 giờ sáng ngày 07/10/2020, M cùng T đến gặp D tại khách sạn H, sau khi nhận 20 triệu đồng và D đang viết giấy biên nhận tiền với M thì bị tổ công tác Phòng Cảnh sát hình sự, Công an tỉnh Điện Biên phát hiện bắt quả tang.

Như vậy, tổng số tiền Lý Thị D dùng thủ đoạn gian dối trực tiếp chiếm đoạt của các bị hại Vàng Thị D, Sênh Thị L, Thào A G, Giàng Thị M là 2 tỷ 620 triệu đồng. Ngoài ra, D còn cấu kết với Dương Anh V lừa đảo chiếm đoạt của Thào A G 05 tỷ đồng, trong đó số tiền D thực chiếm là 3 tỷ 157 triệu đồng.

Cũng với thủ đoạn tương tự Dương Anh V đã cấu kết với Lý Thị D thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt của Thào A G 5 tỷ đồng. Đồng thời V tự ý tăng số tiền thêm 2 tỷ đồng so với thỏa thuận ban đầu với D là 5 tỷ đồng, đây là hành vi vượt quá nên V phải chịu trách nhiệm hình sự với số tiền 7 tỷ đồng. Trong đó, V đã chuyển cho D 3 tỷ 157 triệu đồng, còn V thực chiếm là 3 tỷ 843 triệu đồng.

Tại Bản Kết luận giám định số 558/GĐ-PC09 ngày 30/5/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên kết luận:

Chữ viết, chữ ký đứng tên Lý Thị D trên mẫu cần giám định: Mẫu A1 là 01 (một) giấy biên nhận đứng tên Lý Thị D đề ngày 07/10/2020, nội dung nhận của Giàng Thị M số tiền 20 triệu đồng, mẫu A2 là 01 (một) giấy biên nhận đứng tên Lý Thị D đề ngày 06/7/2020, nội dung nhận của Thào A G số tiền 300 triệu đồng), mẫu A3 là 01 (một) giấy vay tiền đứng tên Lý Thị D đề ngày 21/3/2020, nội dung vay của Thào A G số tiền 1,5 tỷ đồng với chữ viết, chữ ký đứng tên Lý Thị D trên mẫu so sánh ký hiệu M là do cùng một người viết, ký ra.

Tại Bản Cáo trạng số 02/CT-VKS-P2 ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố Lý Thị D, Dương Anh V để xét xử về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung

bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Lý Thị D, Dương Anh V phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lý Thị D 20 (hai mươi) năm tù

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Dương Anh V mức án tù 17 (mười bảy) đến 18 (mười tám) năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo Lý Thị D phải bồi thường cho bị hại Vàng Thị D số tiền 500.000.000 đồng; bồi thường cho bị hại Sênh Thị L số tiền 300.000.000 đồng; bồi thường cho bị hại Thào A G số tiền 4.957.000.000 đồng. Bị cáo Lý Thị D đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho bà Vàng Thị D số tiền 5.000.000 đồng; bồi thường, khắc phục hậu quả cho bà Sênh Thị L số tiền 5.000.000 đồng; bồi thường, khắc phục hậu quả cho ông Thào A G số tiền 20.000.000 đồng. Bị cáo Lý Thị D còn phải bồi thường tiếp số tiền 495.000.000 đồng cho bị hại Vàng Thị D; bồi thường tiếp số tiền 295.000.000 đồng cho bị hại Sênh Thị L; bồi thường tiếp số tiền 4.937.000.000 đồng cho bị hại Thào A G.

- Buộc bị cáo Dương Anh V phải bồi thường cho bị hại Thào A G số tiền 3.843.000.000 triệu đồng. Bị cáo Dương Anh V đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho ông Thào A G số tiền 210.000.000 đồng. Bị cáo Dương Anh V còn phải bồi thường tiếp số tiền 3.633.000.000 triệu đồng cho bị hại Thào A G.

Về vật chứng vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Lý Thị D, Dương Anh V mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Lý Thị D phải chịu số tiền 113.727.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bị cáo Dương Anh V chịu số tiền 104.660.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên đồng thời không có khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Thực hiện lời nói sau cùng các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Những người bào chữa cho các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên,

đồng thời không có ý kiến khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, bị cáo Dương Anh V có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này bị cáo Dương Anh V chưa bị xét xử về một tội danh nào khác, chưa bị xử lý hành chính; trong quá trình điều tra, truy tố và chuẩn bị xét xử, các bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục một phần hậu quả (bị cáo Lý Thị D đã tự nguyện bồi thường số tiền 30.000.000 đồng; Dương Anh V đã tự nguyện bồi thường số tiền 210.000.000 đồng); đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Người bào chữa cho bị cáo Dương Anh V cho rằng trong vụ án này bị hại Thào A G cũng có một phần lỗi nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo V, xử phạt bị cáo Dương Anh V mức hình phạt thấp hơn mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đề nghị. Người bào chữa cho bị cáo Lý Thị D đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Lý Thị D, để các bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

Các bị hại Vàng Thị D, Sênh Thị L, Giàng Thị M, Thào A G đều không khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Lý Thị D phải trả lại cho Vàng Thị D, Sênh Thị L, Giàng Thị M, Thào A G số tiền mà Lý Thị D đã chiếm đoạt. Bị hại Thào A G yêu cầu bị cáo Lý Thị D và Dương Anh V phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho Giàng và xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

Những người làm chứng có mặt tại phiên tòa đều trình bày rằng có chứng kiến việc bị hại Thào A G đã đưa số tiền 1,8 tỷ đồng cho Lý Thị D và đưa cho Dương Anh V số tiền 7 tỷ đồng; bị hại Vàng Thị D đã đưa số tiền 500 triệu đồng cho Lý Thị D; bị hại Sênh Thị L đã đưa số tiền 300 triệu đồng cho Lý Thị D; bị hại Giàng Thị M đã đưa số tiền 20 triệu đồng cho Lý Thị D; lời khai của những người làm chứng tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm là đúng sự thật, phù hợp với lời khai của các bị cáo và lời trình bày của các bị hại.

Tại phiên tòa, bị hại Giàng Thị M không nhất trí trả lại số tiền 500.000 đồng cho bị cáo Lý Thị D do đây là tiền bị cáo D tự nguyện cho Mỹ để mua hoa quả, sữa cho con của Mỹ. Bị cáo Lý Thị D không yêu cầu bị hại Giàng Thị M và người làm chứng Lầu A Tủa mỗi người phải trả lại số tiền 500.000 đồng cho Lý Thị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Lời khai của các bị cáo Lý Thị D, Dương Anh V tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại, những người

làm chứng, vật chứng thu giữ, các kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định:

Do biết các bị hại Vàng Thị D, Sênh Thị L, Giàng Thị M và Thào A G đều có người thân là chồng Lầu A Sùng, Vàng A Sai, Hạ A Khoa; chú ruột Thào A B đều bị Tòa án các cấp kết án tử hình về các tội liên quan đến Mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy. Thông qua các trang mạng xã hội Internet, Lý Thị D đã liên lạc với các bị hại Vàng Thị D, Sênh Thị L, Giàng Thị M; Lý Thị D còn cùng với Dương Anh V liên lạc với Thào A G sau đó đưa ra thông tin mình có thể xin giảm nhẹ hình phạt cho họ từ án tử hình xuống án tù chung thân và bị cáo D có nói với Thào A G sẽ được nhận lại xe ô tô là phương tiện phạm tội trong vụ án ma túy (vụ án Thào A B và đồng phạm). Cụ thể:

Từ khoảng tháng 11/2019 đến tháng 10/2020, Lý Thị D chiếm đoạt của Giàng Thị M số tiền 20 triệu đồng, chiếm đoạt của Vàng Thị D số tiền 500 triệu đồng, chiếm đoạt của Sênh Thị L số tiền 300 triệu đồng.

Qua mối quan hệ trong xã hội, Lý Thị D quen Dương Anh V, D cũng đưa ra thông tin mình có thể xin giảm nhẹ hình phạt cho họ từ án tử hình xuống án tù chung thân và nhận lại xe ô tô là phương tiện phạm tội trong vụ án ma túy (vụ án Thào A B và đồng phạm). Lý Thị D và Dương Anh V đã lừa đảo của Thào A G số tiền 5 tỷ đồng, nhưng Dương Anh V tự ý nói tăng số tiền lên là 7 tỷ đồng, sau đó đã chiếm đoạt được của Thào A G số tiền 7 tỷ đồng. Dương Anh V chuyển lại cho Lý Thị D số tiền là 3,157 tỷ đồng, V được hưởng số tiền là 3,843 tỷ đồng.

Khi biết V tự ý đưa ra số tiền là 7 tỷ để lừa Thào A G, D lại tiếp tục đưa ra thông tin có thể lấy lại số tiền mà V đã nhận của Giàng và lừa có thể lấy lại 02 chiếc xe ô tô là phương tiện phạm tội của Thào A B (đang bị tạm giữ) chiếm đoạt của Thào A G số tiền 1,8 tỷ đồng.

Do đó, Hội đồng xét xử đã đủ cơ sở kết luận hành vi đó của các bị cáo Lý Thị D, Dương Anh V đã vào phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết định khung hình phạt:

Bị cáo Lý Thị D đã nhiều lần thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại, chiếm đoạt của Vàng Thị D số tiền 500.000.000 đồng, chiếm đoạt của Sênh Thị L số tiền 300.000.000 đồng, chiếm đoạt của Thào A G 1.800.000.000 đồng, chiếm đoạt của Giàng Thị M số tiền 20.000.000 đồng; nhận từ Dương Anh V số tiền 3.157.000.000 đồng đã chiếm đoạt từ Thào A G.

Bị cáo Dương Anh V đã thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Thào A G số tiền 3.843.000.000 đồng.

Hành vi đó của các bị cáo Lý Thị D, Dương Anh V đã vi phạm tình tiết định khung được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[2] Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi của mình bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, xâm hại quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội. Do đó, cần xử lý các bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất vụ án, hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra để cải tạo, giáo dục và phòng ngừa, răn đe chung cho xã hội.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; trong quá trình điều tra, truy tố và chuẩn bị xét xử, các bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục một phần hậu quả, bị cáo Lý Thị D đã tự nguyện bồi thường số tiền 30.000.000 đồng cho các bị hại (bồi thường cho bà Vàng Thị D số tiền 5.000.000 đồng; bồi thường cho bà Sênh Thị L số tiền 5.000.000 đồng; bồi thường cho ông Thào A G số tiền 20.000.000 đồng), bị cáo Dương Anh V đã tự nguyện bồi thường số tiền 210.000.000 đồng cho ông Thào A G. Do đó, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “Tự nguyện bồi thường thiệt hại” và “Thành khẩn khai báo” quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

Bị cáo Dương Anh V không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Ngoài lần phạm tội này, bị cáo V chưa bị xét xử về tội danh nào khác và cũng chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo Lý Thị D đã nhiều lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bản thân bị cáo đã có 01 tiền án về Tội trộm cắp tài sản (Ngày 20/6/2007, bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hưng Yên xét xử về tội Trộm cắp tài sản theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 theo Bản án số 23/2007/HS-ST), bị cáo chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội 02 lần trở lên” và “Tái phạm” theo quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Trong vụ án này có hai bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn. Lý Thị D vừa là người khởi xướng và trực tiếp lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại, lừa đảo số tiền 500 triệu đồng của Vàng Thị D, 300 triệu đồng của Sênh Thị L, 20 triệu đồng Giàng Thị M, 1,8 tỷ đồng của Thào A G.

Dương Anh V và Lý Thị D cùng bàn bạc lừa đảo tài sản của Thào A G số tiền 5 tỷ đồng, Dương Anh V đã tự lừa của Thào A G thêm số tiền 02 tỷ đồng. Do đó, cần phải áp dụng Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt đối với các bị cáo Lý Thị D và Dương Anh V.

Để nghiêm trị những hành vi phạm tội đặc biệt nghiêm trọng; căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội, vai trò của từng bị cáo, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng

hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo Lý Thị D, Dương Anh V để lấy đây làm bài học cảnh báo chung cho toàn xã hội, phục vụ cho công tác đấu tranh, ngăn ngừa các loại tội phạm trong tình hình hiện nay. Đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về phần hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận và xem xét quyết định.

Về đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có căn cứ chấp nhận.

Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Dương Anh V đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo V, xử phạt bị cáo Dương Anh V mức hình phạt thấp hơn mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đề nghị do bị hại Thào A G cũng có một phần lỗi, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận bởi vì xét về tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Dương Anh V là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, bị cáo Dương Anh V là người có hiểu biết pháp luật nhưng bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Dương Anh V cùng Lý Thị D đã dùng thủ đoạn gian dối, lừa đảo để chiếm đoạt tài sản của bị hại Thào A G số tiền 7 tỷ đồng, bị hại Thào A G là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng sâu vùng xa, nơi có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, bị hại Thào A G không có lỗi trong vụ án này nên không có căn cứ để chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Dương Anh V.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự: “5. *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”.

Căn cứ vào biên bản xác minh tài sản và qua tranh tụng tại phiên tòa cho thấy, gia đình các bị cáo không có tài sản gì giá trị; các bị cáo không có thu nhập thường xuyên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên và những người bào chữa cho các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[6] Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự: Các bị hại đề nghị buộc các bị cáo phải hoàn trả toàn bộ số tiền đó là có căn cứ để chấp nhận. Do đó, các bị cáo phải trả lại số tiền cho các bị hại do các bị cáo đã chiếm đoạt bao gồm:

- Đối với bị cáo Lý Thị D:

Tổng số tiền bị cáo Lý Thị D đã chiếm đoạt của các bị hại và được hưởng lợi tổng số tiền 5.757.000.000 đồng.

Trong đó: Chiếm đoạt số tiền 500.000.000 đồng của bà Vàng Thị D; chiếm đoạt số tiền 300.000.000 đồng của bà Sênh Thị L; chiếm đoạt số tiền 4.957.000.000 đồng của ông Thào A G; chiếm đoạt số tiền 20.000.000 đồng của Giàng Thị M, số tiền 20.000.000 đồng này đã được cơ quan điều tra trả lại cho bà Giàng Thị M và không yêu cầu gì thêm).

Bị cáo Lý Thị D đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho bà Vàng Thị D số tiền 5.000.000 đồng; bồi thường, khắc phục hậu quả cho bà Sênh Thị L số tiền 5.000.000 đồng; bồi thường, khắc phục hậu quả cho ông Thào A G số tiền 20.000.000 đồng.

Bị cáo Lý Thị D phải bồi thường tiếp số tiền 495.000.000 đồng cho bị hại Vàng Thị D; bồi thường tiếp số tiền 295.000.000 đồng cho bị hại Sênh Thị L; bồi thường tiếp số tiền 4.937.000.000 đồng cho bị hại Thào A G.

- Đối với bị cáo Dương Anh V:

Số tiền bị cáo Dương Anh V đã chiếm đoạt của bị hại Thào A G và được hưởng lợi tổng số tiền 3.843.000.000 đồng.

Bị cáo Dương Anh V đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho ông Thào A G số tiền 200.000.000 đồng. Gia đình bị cáo Dương Anh V đã nộp số tiền 10.000.000 đồng để bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại Thào A G theo Biên lai số 0000042 ngày 10/02/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên.

Bị cáo Dương Anh V phải bồi thường tiếp số tiền 3.633.000.000 đồng cho bị hại Thào A G.

[7] Về vật chứng vụ án: Áp dụng Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Đối với chiếc điện thoại di động Iphone 6; chiếc điện thoại di động Iphone 7 Plus màu đen thu giữ của Lý Thị D do bị cáo Lý Thị D dùng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 chiếc túi xách tay giả da màu đen, 01 giấy chứng minh nhân dân số 080949187, 01 hộ chiếu số C0956404; 01 thẻ ATM của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn; 01 thẻ ATM của Ngân hàng Đầu tư và phát triển mang tên Lý Thị D, do không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo D.

- Đối với chiếc điện thoại Iphone X thu giữ của bị cáo Dương Anh V, do bị cáo không dùng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo V.

- Đối với 01 sim mạng Vinaphone số 0888.283.999; 01 sim mạng Viettel số 0966.552.618 thu giữ của Lý Thị D do bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí:

Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lý Thị D, Dương Anh V mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Lý Thị D phải chịu số tiền **113.727.000 đồng** (112.000.000 đồng + 0,1% x 1.727.000.000 đồng = 113.727.000 đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bị cáo Dương Anh V chịu số tiền **104.660.000 đồng** (72.000.000 đồng + 2% x 1.633.000.000 đồng = 104.660.000 đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[9] Về các vấn đề khác:

Quá trình điều tra, Thào A G khai đã đưa cho Lý Thị D 750 triệu đồng nhưng không làm giấy tờ, Lý Thị D không thừa nhận việc đã nhận số tiền trên và cũng không có tài liệu, chứng cứ khác chứng minh. Do đó, Cơ quan điều tra không có căn để xác minh làm rõ.

Đối với số điện thoại 0325.643.019 do Vàng Thị D cung cấp là do người phụ nữ tự xưng là cán bộ Trại giam tỉnh Cao Bằng, Vàng Thị D không quen biết đã giới thiệu Vàng Thị D gặp Lý Thị D. Hiện Cơ quan điều tra đã yêu cầu nhà mạng Viettel Điện Biên và Tập đoàn viễn thông quân đội xác định chủ sở hữu đối với số điện thoại trên nhưng hiện chưa có kết quả trả lời; xác minh tại Trại giam tỉnh Cao Bằng không có cán bộ, chiến sĩ nào sử dụng số điện thoại trên. Do vậy, Cơ quan điều tra sẽ xem xét xử lý khi có đủ căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự;

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lý Thị D, Dương Anh V phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Về hình phạt chính:

2.1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lý Thị D 19 (Mười chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/10/2020.

2.2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Dương Anh V 17 (Mười bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/12/2021.

3. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Lý Thị D phải bồi thường tiếp số tiền 495.000.000 đồng (Bốn trăm chín mươi lăm triệu đồng) cho bị hại Vàng Thị D; bồi thường tiếp số tiền 295.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi lăm triệu đồng) cho bị hại Sênh Thị L; bồi thường tiếp số tiền 4.937.000.000 đồng (Bốn tỷ chín trăm ba mươi bảy triệu đồng) cho bị hại Thào A G.

Buộc bị cáo Dương Anh V phải bồi thường tiếp số tiền 3.633.000.000 đồng (Ba tỷ sáu trăm ba mươi ba triệu đồng) cho bị hại Thào A G.

Kể từ ngày bà Vàng Thị D, Sênh Thị L, Thào A G có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bị cáo Lý Thị D, Dương Anh V chậm trả tiền thì các bị cáo Lý Thị D, Dương Anh V phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

*** Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:**

- 01 (một) điện thoại di động Iphone 6 màn hình cảm ứng thu giữ của Lý Thị D.

- 01 (một) điện thoại di động Iphone 7 plus màu đen thu giữ của giữ của Lý Thị D.

*** Tịch thu tiêu hủy:**

- 01 sim mạng Vinaphone số 0888.283.999.

- 01 sim mạng Viettel số 0966.552.618 thu giữ của Lý Thị D.

*** Trả lại cho bị cáo Lý Thị D:**

- 01 chiếc túi xách tay giả da màu đen.
- 01 giấy chứng minh nhân dân số 080949187.
- 01 hộ chiếu số C0956404.
- 01 thẻ ATM của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn.
- 01 thẻ ATM của Ngân hàng Đầu tư và phát triển mang tên Lý Thị D.

*** Trả lại cho bị cáo Dương Anh V:**

- 01 chiếc điện thoại Iphone X màn hình cảm ứng, 01 thẻ sim số thuê bao 0344.827.333.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên ngày 18/01/2022).

5. Về án phí: Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm a, c Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lý Thị D, Dương Anh V mỗi bị cáo phải chịu **200.000 đồng** (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Lý Thị D phải chịu **113.727.000 đồng** (Một trăm mười ba triệu bảy trăm hai mươi bảy ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bị cáo Dương Anh V chịu **104.660.000 đồng** (Một trăm linh bốn triệu sáu trăm sáu mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

6. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Căn cứ các Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, các bị cáo, các bị hại có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06/5/2022).

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên;
- Các bị cáo;
- Các bị hại;
- Người bào chữa cho các bị cáo;
- Người làm chứng;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- UBND phố T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (Thông báo);
- UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Thông báo);
- Phòng Hành chính Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Trọng Đoàn

